

# Xác định mức độ tập trung trong hoạt động sáp nhập, hợp nhất và mua lại trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam

TS. TRỊNH QUỐC TRUNG  
DH Ngân hàng – TP.HCM

(tiếp theo số 38)

## 6. Quy định về mức độ tập trung tại Anh và Hoa Kỳ

Tại Hoa kỳ, Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn chính thức về nộp đơn xin sáp nhập năm 1968. Hướng dẫn đầu tiên của Bộ tư pháp về sáp nhập khá hạn chế – yêu cầu ngân hàng hoạt động trong một thị trường được đánh giá có độ tập trung cao – ít cạnh tranh chỉ được tiến hành hoạt động M&A đối với những đối tác nhỏ và chiếm thị phần không quan trọng hoặc tham gia như những cố đồng sáng lập ngân hàng mới.

Độ tập trung của thị trường được đo lường bằng tỉ trọng của tài sản và tiền gửi dưới quyền kiểm soát của ngân hàng lớn nhất kinh doanh trong thị trường đó. Giả sử một ngân hàng lớn nhất kiểm soát phần lớn thị trường tiền gửi và tài sản sẽ làm nảy sinh thái độ chống cạnh tranh kể cả những thoả thuận cấu kết / thông đồng làm nguy hại đến công chúng do cung cấp hàng hóa, dịch vụ với giá cao trong khi chất lượng lại bị giảm thấp.

Trong kinh tế, độ tập trung của một ngành được sử dụng như một chỉ số đo lường qui mô tương đối của các doanh nghiệp so với toàn bộ ngành. Tại Anh, người ta thường sử dụng chỉ số tập trung của 4 doanh nghiệp lớn nhất với tên gọi là C4, trong đó bao gồm thị phần của bốn doanh nghiệp lớn nhất trong ngành.

Tại Anh, chỉ số tập trung lớn nhất và nhỏ nhất của 5 doanh nghiệp lớn nhất trong ngành như sau:

• Đường: 99%	• Súp gà: 1%
• Sản phẩm thuốc lá: 99%	• Sản phẩm bằng nhựa: 4%
• Phân phối gas: 82%	• Hàng nội thất: 5%
• Dầu ăn: 88%	• Xây dựng: 5%
• Bánh kẹo: 81%	• Sản phẩm thép xây dựng: 6%
• Khai thác than đá: 79%	• Phân phối sữa: 6%
• Nước giải khát và nước khoáng: 75%	• Máy móc thông dụng: 8%
• Thuốc trừ sâu: 75%	• Gỗ và sản phẩm từ gỗ: 9%
• Vũ khí và quân trang, quân dụng: 77%	

**Nguồn:** National Statistics Economic Trends – Concentration Ratios 2004

Các nhà kinh tế thường phân loại thị trường theo độ tập trung như sau:

- Thị trường cạnh tranh hoàn hảo (Perfect Competition): có chỉ số tập trung rất thấp
- Thị trường cạnh tranh độc quyền (Monopolistic Competition), có chỉ số tập trung của 4 doanh nghiệp nhỏ từ 40% đến 60%.
- Thị trường độc quyền nhóm (Oligopoly), có chỉ số tập trung của 4 doanh nghiệp từ 60% đến 80%.
- Thị trường độc quyền (Monopoly): có chỉ số tập trung của 4 doanh nghiệp gần 100%.

Tại Hoa kỳ, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, độ tập trung thị phần được tính toán bởi hệ số Herfindahl-Hirschman Index (HHI) – phản ánh tỉ lệ nắm giữ tài sản, tiền gửi hoặc doanh số của mỗi thành viên của thị trường cụ thể. Thị phần của các thành viên sẽ được bình phương và HHI là tổng của những thị phần bình phương này. Do đó chỉ số HHI được tính theo công thức sau:

$$HHI = \sum_{i=1}^k A_i^2$$

Trong đó  $A_i$  là % thị phần tiền gửi do từng ngân hàng kiểm soát và có  $k$  ngân hàng trên thị trường. Lưu ý, chỉ số HHI phản ánh cả số lượng các ngân hàng và độ tập trung của tiền gửi hoặc tài sản trong ngân hàng lớn nhất và ấn định chỉ số lớn hơn (bằng việc bình phương thị phần) cho các ngân hàng chi phối thị phần lớn nhất.

HHI có thể thay đổi từ 10,000. – ( ví dụ 100%) – trạng thái độc quyền hoàn toàn khi một ngân hàng chiếm vị trí độc tôn trong cung cấp và phân thị trường còn lại là gần như không có sang về 0. Về lý thuyết, HHI càng nhỏ thì chứng tỏ không có ngân hàng thống trị thị trường và thị phần được phân bố công bằng hơn giữa các thành viên. Một thị trường có qui mô các thành viên gần như nhau là một thị trường có tính cạnh tranh hơn và ít có thái độ cư xử thiếu cạnh tranh hơn.

Nếu HHI có chiều hướng gia tăng có nghĩa là có sự giảm sút về cạnh tranh và đồng nghĩa với việc tăng quyền lực kiểm soát thị trường trong khi HHI sẽ cho thấy dấu hiệu ngược lại.

Ưu điểm cơ bản của chỉ số HHI như một thước đo về độ tập trung thị trường là gia tăng trọng số cho các doanh nghiệp lớn nhiều hơn so với doanh nghiệp nhỏ. Để minh họa, chúng ta có thể xem qua hai tình huống mà 6 doanh nghiệp lớn nhất đều chiếm 90% thị phần:

– Tình huống 1: Mỗi doanh nghiệp đều chiếm 15% thị phần;

– Tình huống 2: Một doanh nghiệp chiếm 80% thị phần trong khi các doanh nghiệp còn lại là 2% thị phần cho mỗi doanh nghiệp.

Chúng ta sẽ giả định rằng 10% thị phần còn lại được chia đều cho 10 doanh nghiệp khác.

Trong trường hợp này chúng ta thấy rằng tỉ lệ tập trung thị trường trong 2 tình huống đều là 90% nhưng trong tình huống 1 thì hoạt động cạnh tranh sẽ rất gay gắt trong khi tình huống thứ hai lại là độc quyền.

Dưới đây sẽ là chỉ số HHI cho hai tình huống trên sẽ cho thấy tính thiếu cạnh tranh của tình huống thứ hai một cách rõ ràng:

- Tình huống 1:  
Chỉ số HHI =  $6 * 15^2 + 10 * 1^2 = 1360$
- Tình huống 2:  
Chỉ số HHI =  $80^2 + 5 * 2^2 + 10 * 1^2 = 6430$

Theo hướng dẫn mới nhất của Bộ Tư pháp về sáp nhập ngân hàng tại Mỹ (sửa đổi 1984 và 1992), bất kỳ vụ sáp nhập nào mà:

(a) Sau khi sáp nhập hệ số Herfindahl nhỏ hơn 1,800.– hoặc

(b) Thay đổi của chỉ số HHI dưới 200 điểm; thì không cần phải có chấp thuận của Bộ Tư pháp Mỹ vì theo quan điểm của chính phủ ngân hàng hậu sáp nhập trong các trường hợp này sẽ không có đủ quyền lực thị trường để hủy hoại nghiêm trọng lợi ích của công chúng.

Tuy nhiên khi một đề nghị sáp nhập có HHI vượt quá chỉ số hướng dẫn trên (ví dụ như khi HHI lớn hơn 1,800.–) thì Bộ Tư pháp xem là thị trường “tập trung cao” và đề nghị sáp nhập trong thị trường có độ tập trung cao phải được Toà án liên bang xem xét trừ khi Đoàn luật sư và các nhà kinh tế tìm ra bằng chứng loại trừ.

Để minh họa, chúng ta giả định xem xét một thị trường ngân hàng địa phương nhỏ có 4 ngân hàng với thị phần tiền gửi và thị phần thị trường như sau:

Thị phần tiền gửi và thị phần thị trường địa bàn A:

$$\text{Trong trường hợp này } HHI = \sum A_i^2 = 3,462.7$$

Ngân hàng	Tiền gửi trong báo cáo thường niên mới nhất	Thị phần tiền gửi $A_i$	Bình phương thị phần các ngân hàng ( $A_i^2$ )
Ngân hàng A	\$245 triệu	50.8%	2,580.6
Ngân hàng B	113	23.4	547.6
Ngân hàng C	69	14.3	204.5
Ngân hàng D	55	11.4	130.0
Tổng cộng	482	99.9%	3,462.7

Xem xét ví dụ ở trên khi tính toán thị phần của các ngân hàng chúng ta thấy HHI là 3,462.7 điểm. Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp thì đây là thị trường có độ tập trung cao.

Ở đây, ngân hàng A là lớn nhất với thị phần 50.8%. Ngân hàng này sẽ gặp khó khăn khi xin phép sáp nhập với ngân hàng khác trong vùng (ngân hàng lớn nhất lớn hơn gấp đôi đối thủ cạnh tranh liền kề và ngân hàng nhỏ nhất chỉ chiếm 11% thị phần).

Thật ra, bất kỳ vụ sáp nhập nào trong địa bàn A cũng khó khăn vì tình trạng tập trung cao và vì ngay cả khi 2 trong số 4 ngân hàng muốn sáp nhập với nhau cũng làm HHI thay đổi khá nhiều. Trong ví dụ trên nếu 2 ngân hàng nhỏ nhất sáp nhập với nhau, thị phần hợp nhất là 25.7% và bình phương là 660.5 điểm sẽ làm cho HHI của thị trường tăng hơn 300 điểm từ 3,462.7 lên 3,788.7).



Tuy nhiên, một ngân hàng ngoài thị trường địa bàn A hoàn toàn có thể sáp nhập với một ngân hàng trong thị trường A (được xem là một vụ sáp nhập mở rộng thị trường). Vụ sáp nhập này không làm thay đổi HHI và không làm giảm số lượng các nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng cho công chúng lựa chọn.

Trường hợp ngoại lệ thường được xem xét chấp thuận khi những vụ sáp nhập chỉ làm gia tăng không đáng kể độ tập trung của thị trường. Yếu tố giảm nhẹ này có thể gồm việc cho phép thành lập ngân hàng mới kinh doanh trên cùng khu vực và dưới sự điều khiển của ngân hàng đã hiện diện trên thị trường với cùng sản phẩm, điều kiện, đặc tính của người khách hàng mua trong thị trường tương xứng.

### 7. Kiến nghị

**Đối với tiêu chí sử dụng để xác định thị phần của tổ chức tín dụng:**

Theo chúng tôi, khi xác định thị phần để quyết định tỉ lệ tập trung thị trường khi quyết định chấp thuận hay từ chối một vụ M&A nên sử dụng chỉ số cho thấy tốt nhất về năng lực cạnh tranh tương lai của doanh nghiệp. Ví dụ như có thể sử dụng doanh số bán nếu phân biệt các doanh nghiệp chủ yếu bằng sự khác biệt của các sản phẩm hoặc sử dụng đơn vị hàng hóa tiêu thụ nếu sự phân biệt giữa họ chủ yếu dựa trên lợi thế tương đối của các doanh nghiệp trong việc phục vụ các khách hàng hoặc nhóm khách hàng khác nhau.

Do đó, đối với qui định sử dụng doanh thu (thu nhập từ tiền lãi; thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ; thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối; thu nhập từ lãi góp vốn, mua cổ phần; thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác và thu nhập khác) để xác định thị phần (NĐ116/2005/NĐ-CP) của các tổ chức tín dụng chưa phản ánh đúng bản chất của sự tập trung trong hoạt động ngân hàng mà nên sử dụng kết hợp các tiêu chí sau:

- Tỉ trọng tiền gửi/ tổng tiền gửi của toàn ngành.
- Tỉ trọng tín dụng/ tổng tín dụng của toàn ngành.
- Tỉ trọng thu nhập từ lãi suất/ tổng thu nhập lãi suất của toàn ngành.

Ngoài ra, theo chúng tôi, khi Ngân hàng Nhà nước và Cục Quản lý Cạnh tranh xem xét hoạt



động M&A giữa các tổ chức tín dụng có thể sử dụng bất kỳ tiêu chí liên quan đến bất kỳ hoạt động nào của các tổ chức tín dụng nhằm tránh việc dẫn đến sự suy giảm cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ra thị trường dưới mọi góc độ.

**Đối với cách tính toán mức độ tập trung:**

Theo chúng tôi, khi tính toán mức độ tập trung, Việt Nam có thể xem xét sử dụng hệ số HHI để tính toán sẽ có ý nghĩa hơn về mặt thực tiễn.

**Đối với sự lệch pha giữa Luật cạnh tranh và Nghị định 69/2007/NĐ-CP:**

Nhằm đảm bảo tính nhất quán trong qui định của pháp luật và tạo điều kiện dễ dàng cho các tổ chức, cá nhân trong nước cũng như nước ngoài tham gia vào hoạt động M&A cũng như việc quản lý hoạt động này đối với các cơ quan có thẩm quyền như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cục Quản lý Cạnh tranh thuộc Bộ Công thương, theo chúng tôi, cần sửa đổi qui định trong Nghị định 69/2007/NĐ-CP theo Luật Cạnh tranh.

(xem tiếp trang 39)

phục vụ cho các đệ tam nhân như nhà đầu tư, chủ nợ, khách hàng.... Do đó thông tin phải có được tính thích hợp và đáng tin cậy cao, và GTHL là một sự lựa chọn thích hợp. Hơn nữa, trong những năm gần đây tốc độ lạm phát của Việt Nam khá cao làm cho việc trình bày thông tin theo giá gốc ngày càng lạc hậu nên cần có cơ sở đánh giá thích hợp hơn.



– Ngoài ra, khi chuẩn mực hợp nhất doanh nghiệp, chuẩn mực công cụ tài chính ra đời sẽ cho thấy sự cần thiết phải sử dụng GTHL trong kế toán Việt Nam. Trên thế giới cũng chính sự ra đời của hai chuẩn mực này đã tạo bước phát triển mạnh của GTHL.

**Thứ hai, Việt Nam đã có những điều kiện để phát triển GTHL, đó là:**

– Hệ thống thị trường đang phát triển, hiện tại đã có thị trường chứng khoán và các thị trường chuyên ngành như thị trường bất động sản, thị trường cà phê, thị trường nông sản.... Các thị trường này cũng đã góp phần cung cấp thông tin cho việc xác định GTHL.

– Các tổ chức định giá, các chuyên viên định giá, các chứng thư thẩm định giá cũng sẽ là nơi cung cấp các thông tin để xác định giá trị, và các tiêu chuẩn thẩm định giá – lấy giá thị trường làm tiêu chuẩn cho thẩm định giá – sẽ là nền tảng cho việc xác định GTHL dựa vào giá thị trường. (Các tiêu chuẩn thẩm định giá bắt đầu được ban hành từ năm 2005).

– Bước đầu đã có hành lang pháp lý: GTHL có được sự ủng hộ của Bộ Tài chính, thể hiện trong các chuẩn mực kế toán và thông tư hướng dẫn đã đề cập đến GTHL. Ngoài ra, trong các thông tư

79/2002/TT-BTC và thông tư 126/2004/TT-BTC hướng dẫn định giá doanh nghiệp nhà nước khi chuyển thành công ty cổ phần đã đề cập đến các phương pháp để xác định giá trị doanh nghiệp mà nó cũng là các phương pháp được sử dụng để ước tính GTHL trên thế giới như phương pháp dòng tiền chiết khấu, phương pháp giá thị trường của tài sản. Điều này cho thấy rằng đã có những nền tảng ban đầu về cách xác định GTHL.

– Một điều kiện nữa để có thể áp dụng GTHL đó là Việt Nam có khả năng và điều kiện để tiếp cận các nghiên cứu của thế giới về GTHL. Từ đó đưa ra các phương pháp cũng như các mô hình xác định GTHL phù hợp với Việt Nam.

– Tóm lại, với những điều kiện có sẵn và trước sức ép phải sử dụng GTHL, cho thấy vai trò của GTHL trong tương lai là rất quan trọng, mang lại cách định giá mới phù hợp với sự phát triển của các hoạt động kinh tế tại Việt Nam ■

*Tài liệu tham khảo:*

1. Luật kế toán
2. Bộ tài chính, các Quyết định, thông tư.
3. EURO – TAP VIET (2000), Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế, Nhà xuất bản tài chính.
4. Ngân hàng thế giới (2002), Các chuẩn mực kế toán quốc tế, Nguyễn Thu Hà dịch, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
5. Eldon S. Hendriksen (1990), Accounting Theory, Fourth Edition, Toppan Company.
6. FASB (2006), SFAS 157 Fair Value Measurements.
7. IASB (2004), International Financial Reporting Standards, including IAS and Interpretations as at 31 March 2004.

(tiếp theo trang 33)

Ngoài ra, cần bổ sung qui định liên quan đến cách thức xác định độ tập trung khi khi tổ chức tín dụng trong nước hoặc nước ngoài hoặc nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua vốn tại 2 ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng Việt nam trở lên bằng cách giới hạn tổng quát theo ngành thay vì chỉ một tổ chức tín dụng cụ thể ■

*Tài liệu tham khảo:*

- Bộ Luật Dân sự 2005;
- Luật Doanh nghiệp 2005;
- Luật Đầu tư 2005;
- Luật Cạnh tranh 2004;
- Luật Chứng khoán 2006;
- Luật Doanh nghiệp Nhà nước 2003;
- WIR 2008 của UNCTAD; – U.S. Department of Justice and the Federal Trade Commission.